TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thanh Tuyền và bà Trần Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị M, sinh năm 1995; căn cước công dân số 046195001663, cấp ngày 24/4/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ C; Địa chỉ: Số F T, phường A, thành phố H, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1987; căn cước công dân số 046087001410, cấp ngày 15/4/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ C. Địa chỉ: Tổ E, thôn B, xã H, thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2025, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hồ Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị M và anh Nguyễn Văn B quen và tìm hiểu nhau một thời gian, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T (nay thuộc xã H, thành phố H). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B nghiện ngập, đánh đập vợ, bỏ bê công việc, không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay. Chị M thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở về chung sống với nhau nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị Hồ Thị M trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Hồ Thảo N, sinh ngày 06/6/2019 và Nguyễn Hồ Trâm A, sinh ngày 02/7/2022. Chị M yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con. Tuy nhiên, hiện nay cháu Trâm A đang ở với anh B, cháu Thảo N đang ở với chị M nên tại phiên tòa, chị M thay đổi yêu cầu nuôi con như sau: Chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thảo N và giao cháu Nguyễn Hồ Trâm A cho anh Nguyễn Văn B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn B trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B thừa nhận anh và chị M có tìm hiểu và đăng ký kết hôn đúng như chị Hồ Thị M trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì cũng có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cũng có cãi nhau. Từ tháng 2/2025 là do làm ăn nên vợ chồng ở xa nhau chứ không phải ly thân. Anh B không gửi tiền để chị M nuôi con là do chị M không yêu cầu nên anh B cất giữ để sau này có khoản vốn lo cho gia đình. Do đó, anh B không đồng ý ly hôn mà chỉ khi chị M phải giao cả 02 người con cho anh B nuôi thì anh B sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh B thừa nhận vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Hồ Thảo N, sinh ngày 06/6/2019 và Nguyễn Hồ Trâm A, sinh ngày 02/7/2022. Hiện nay, cháu Trâm A đang ở với anh B, cháu Thảo N đang ở với chị M như chị M trình bày. Anh B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Thảo N và Trâm A và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại gia đình của bị đơn, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ngân H1 là cha mẹ ruột của bị đơn cho biết: Chị Hồ Thị M và anh Nguyễn Văn B sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh B thì ông H và bà H1 không rõ. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông bà đã nhận các văn bản và đã báo cho anh B biết việc chị M xin ly hôn anh B.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Hồ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn B; giao cháu Nguyễn Hồ Thảo N, sinh ngày 06/6/2019 cho chị Hồ Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi); giao cháu Nguyễn Hồ Trâm A, sinh ngày 02/7/2022 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Hồ Thị M và anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Hồ Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại Tổ E, thôn B, xã H, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Huế là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị M và anh Nguyễn Văn B đã đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T (nay thuộc xã H, thành phố H) trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị M trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh B chưa quan tâm, chăm lo đầy đủ cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm ngày càng rạn nứt. Anh B cũng thừa nhận trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Mặc dù anh B cho rằng vợ chồng sống xa nhau chứ không phải ly thân nhưng trên thực tế anh B cũng thừa nhận không chu cấp cho vợ con do chị M không yêu cầu. Đồng thời, các bên đều xác nhận giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và hiện không còn chung sống cùng nhau. Điều này cho thấy đời sống chung của vợ chồng trên thực tế không còn được duy trì ổn định và không còn duy trì sự gắn kết cần thiết của đời sống vợ chồng. Kết quả xác minh tại gia đình bị đơn cũng thể hiện chị M và anh B đã sống ly thân trong một thời gian. Tại phiên tòa anh B xác định trường hợp chị M đồng ý giao cả hai con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh B đồng ý ly hôn với điều kiện được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho thấy giữa các bên hiện chủ yếu còn tranh chấp về quyền nuôi con còn về tình cảm thì không còn nữa.

Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh B không đến Tòa án hòa giải, tại phiên tòa anh B cũng không đưa ra được biện pháp cụ thể nhằm khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ gia đình; trong khi đó chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh B đã kéo dài, đời sống chung không còn ổn định, các bên không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân chỉ mang tính hình thức, không bảo đảm xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, bền vững theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Hồ Thị M và anh Nguyễn Văn B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, cho chị M được ly hôn anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Hồ Thị M và anh Nguyễn Văn B công nhận vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Hồ Thảo N, sinh ngày 06/6/2019 và Nguyễn Hồ Trâm A, sinh ngày 02/7/2022.

Xét yêu cầu nuôi con của chị M và anh B thấy rằng: Việc giao con cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, bao gồm điều kiện ổn định về sinh hoạt, học tập, môi trường sống và sự chăm sóc thực tế hiện có của cha, mẹ đối với các cháu.

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thể hiện: Hiện nay cháu Thảo N đang do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Trâm A đang do anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu hiện đều đang sinh sống ổn định cùng người trực tiếp chăm sóc, chưa phát sinh vấn đề ảnh hưởng xấu đến điều kiện phát triển về thể chất, tinh thần và sinh hoạt hằng ngày của các cháu.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cho thấy cả chị M và anh B đều có nguyện vọng, điều kiện trực tiếp chăm sóc con; không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện một trong hai bên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc có hành vi làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của con chưa thành niên.

Hội đồng xét xử cũng xét thấy, mặc dù việc bảo đảm các con được sống cùng nhau là cần thiết nhằm duy trì sự gắn kết tình cảm anh chị em ruột. Tuy nhiên trong vụ án này, các cháu hiện đã ổn định nơi ở, sinh hoạt cùng mỗi bên cha, mẹ trong một khoảng thời gian nhất định. Việc tiếp tục duy trì môi trường sống ổn định hiện tại sẽ hạn chế sự xáo trộn về tâm lý, sinh hoạt và điều kiện phát triển của các cháu sau khi cha mẹ ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần giao cháu Nguyễn Hồ Thảo N cho chị Hồ Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hồ Trâm A cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một người con và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Hồ Thị M và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Hồ Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Q;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị M, chị Hồ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Hồ Thảo N, sinh ngày 06/6/2019 cho chị Hồ Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Hồ Trâm A, sinh ngày 02/7/2022 cho anh Nguyễn Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Chị Hồ Thị M và anh Nguyễn Văn B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị M đã nộp theo biên lai số 0001320 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Hồ Thị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 – Huế;
- UBND xã Hưng Lộc, TP Huế (ĐKKH tại UBND xã Lộc Bổn (cũ));
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ, lưu dán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Phương Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**